

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2021

V/v tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: **Ông Lê Kim Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 15/16 L, N, Hải Phòng.** Có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Trần Trung Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 85 Khu tái Định Cư, Tổ dân phố số 4, Đ, H, Hải Phòng.** Có mặt.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Trung Đ đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 92/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Trung K, sinh ngày 04/11/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chị T và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Tuy nhiên từ ly hôn đến nay, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì chị và anh Đ đã thỏa thuận, là chị nuôi con, còn anh Đ đóng góp các khoản phí của con theo Biên lai thu của Trường tiểu học Vinchool Hải Phòng. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án buộc anh Đ đóng góp khoản phí của con chung tại Trường tiểu học Vinchool Hải Phòng. Cụ thể là **12.000.000đồng**, một tháng, tính từ tháng 6/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Sở dĩ chị yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho tôi từ tháng 6/2020 là do chị và anh Đ đã ly hôn từ tháng 6/2020 (từ khi ly hôn, anh Đ chưa đóng góp khoản tiền nào về cấp dưỡng nuôi con cho chị).

Ngoài ra, chị còn trình bày thêm: Sau khi chị gửi đơn đến Tòa án yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ đã thông qua người quen chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị số tiền là 74.000.000đồng. Hiện tại, số tiền này chị đang giữ.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn là Trần Trung Đ trình bày:

Anh xác nhận lời trình bày của chị T về nội dung Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số **92/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020** của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng là đúng. Trước đây, khi anh và chị T chưa ly hôn, anh đã đề nghị chị T không cho con chung Trần Trung K, sinh ngày 04/11/2013 học tại Trường tiểu học Vinchool Hải Phòng, vì kinh phí tốn kém nhưng chị T không nghe anh. Trong khi tổng thu nhập mỗi tháng của anh chỉ được 11.636.327 đồng, ngoài ra không còn khoản thu nhập nào khác. Mặt khác, anh đang nuôi ba người con riêng của vợ trước là Trần Minh T, sinh năm 2000; Trần Thị Q, sinh năm 2002; Trần Trung P, sinh ngày 03/8/2006. Trong đó, có hai cháu T và cháu Q tuy trên 18 tuổi nhưng hiện nay vẫn đang học Đại học nên anh vẫn phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu ăn học và với chí sinh hoạt cho bản thân anh nên anh khó khăn về kinh tế. Do đó, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là **12.000.000đồng** một tháng, tính từ tháng 6/2020 anh không đồng ý. Anh chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung là **2.000.000đồng/một tháng**, tính từ khi Tòa án giải quyết xong vụ án đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. **Anh Đ cũng trình bày thêm, vừa rồi anh cũng đã thu xếp chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 74.000.000đồng; còn việc nuôi con nếu chị T không đủ điều kiện nuôi cháu K thì chị Thu giao cháu K lại cho anh nuôi dưỡng mà không cần chị T phải cấp dưỡng.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An phát biểu ý kiến:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 82, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận **một phần** yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn của chị Thu đối với anh Đ. Buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Trung K cho chị T với mức cấp dưỡng mỗi tháng là **từ 2.000.000đồng**, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng ngày 01/8/2021 đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi; anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Trung Đ; địa chỉ: **Số 85 Khu tái Định Cư, Tổ dân phố số 4, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] **Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng:** Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 92/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ, đồng thời anh chị đã thống nhất giao con chung Trần Trung K, sinh ngày 04/11/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy, anh Đ là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Vì vậy, yêu cầu của chị T buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên là có căn cứ, phù hợp với các điều 107; 110; 119 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.1] **Xét về mức cấp dưỡng:** Khi ly hôn, chị T và anh Đ tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình thì “*mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”. Quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp Giấy xác nhận có tổng thu nhập mỗi tháng là 3.774.667đồng; anh Đ cung cấp Giấy xác nhận có tổng thu nhập mỗi tháng là **11.636.327đồng**, ngoài ra anh Đ còn nuôi ba con riêng của người vợ trước và không còn khoản thu nhập nào khác. Do đó, đối với yêu cầu

buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con là 12.000.000đồng/tháng là quá cao so với thu nhập và chi phí thực tế của anh Đ. Xét việc anh Đ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng trong khi mức thu nhập của chị T là 3.774.667đồng/tháng là không đảm bảo cho việc sinh hoạt của cháu K. Vì vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu Kiên cũng như đảm bảo việc sinh sống của chị T và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Như vậy, mới phù hợp với tình hình thu nhập thực tế của anh Đ cũng như phù hợp với việc chi trả nhưng chi phí sinh hoạt tối thiểu để nuôi dưỡng cháu K và các chi phí sinh hoạt khác của anh Đ; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2021 đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi; không chấp nhận yêu cầu buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 12.000.000đồng/tháng, tính từ tháng 6/2020; không chấp nhận mức cấp dưỡng anh Đ đưa ra là 2.000.000đồng/tháng.

[3] Đối với số tiền 74.000.000đồng anh Đ trình bày đã chuyển cho chị T để cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ và chị T không có yêu cầu giải quyết về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T:

1. Buộc anh Trần Trung Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là cháu Trần Trung K, sinh ngày 04/11/2013 cho chị Đặng Thị T, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng một tháng); thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/8/2021 đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trần Trung Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền; chị Đặng Thị T không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Tuyển